

**CÔNG TY TNHH LẠC THƯỜNG VIỄN ĐÔNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH LẠC THƯỜNG VIỄN ĐÔNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109250061

**3. Ngày thành lập:** 02/07/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 36, Đường Nguyễn Xiển, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0826788668-0963168206

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp                                                                                          | 0210        |
| 2.  | Khai thác gỗ                                                                                                                                    | 0220        |
| 3.  | Khai thác lâm sản khác trừ gỗ                                                                                                                   | 0231        |
| 4.  | Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ                                                                                                                    | 0232        |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp                                                                                                                    | 0240        |
| 6.  | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                  | 1610        |
| 7.  | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                               | 1621(Chính) |
| 8.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                         | 1622        |
| 9.  | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                         | 1623        |
| 10. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                        | 1629        |
| 11. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                   | 3100        |
| 12. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                          | 4620        |
| 13. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty sản xuất và kinh doanh | 8299        |
| 14. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>( Doanh nghiệp không hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản )                                          | 4511        |
| 15. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)<br>( Doanh nghiệp không hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản )                                  | 4512        |

|     |                                                                                                                                       |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>( Doanh nghiệp không hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản )                                  | 4513 |
| 17. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                        | 4520 |
| 18. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>( Doanh nghiệp không hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản ) | 4530 |
| 19. | Bán mô tô, xe máy<br>( Doanh nghiệp không hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản )                                                  | 4541 |
| 20. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                   | 4542 |
| 21. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>( Doanh nghiệp không hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản )              | 4543 |
| 22. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>( Doanh nghiệp không hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản )                                 | 4610 |
| 23. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                        | 4631 |
| 24. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                    | 4632 |
| 25. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                      | 4633 |
| 26. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào                                                                                                 | 4634 |
| 27. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                  | 4641 |
| 28. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                    | 4649 |
| 29. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                   | 4651 |
| 30. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                    | 4652 |
| 31. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                | 4653 |
| 32. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                       | 4659 |
| 33. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                          | 4661 |
| 34. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Không bao gồm kinh doanh vàng miếng)                                                          | 4662 |
| 35. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                               | 4663 |
| 36. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                     | 4669 |
| 37. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                     | 4690 |
| 38. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                  | 4711 |
| 39. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                    | 4719 |
| 40. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                     | 4721 |
| 41. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                      | 4722 |
| 42. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4723 |
| 43. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                   | 4724 |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 44. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4730 |
| 45. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741 |
| 46. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4742 |
| 47. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4751 |
| 48. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 49. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753 |
| 50. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 51. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4761 |
| 52. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                              | 4762 |
| 53. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                              | 4763 |
| 54. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                | 4764 |
| 55. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4771 |
| 56. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                 | 4772 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: LÊ VĂN THẤY

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 20/06/1951

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 120218853

Ngày cấp: 31/08/2016

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn De, Xã Nghĩa Hưng, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn De, Xã Nghĩa Hưng, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội